TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần: Địa chất các mỏ khoáng + TH

Mã học phần/Mã nhóm: 4040401 nhóm 02

Số tín chỉ: 3

Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

Mã CBGD: 0404-02

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321040001L	Angmisy Sayyavong .	09/10/93	DCDCDC_58A	8.5	6.5	8	9	7.8	9	9	9	8.3	
2	1321040008I	Silavong Thipphavone .	15/07/93	DCDCDC_58A	8.5	8	8.5	9	8.5	9	9	9	8.6	
3	1321040003I	Somsanith Viengkeo .	05/10/90	DCDCDC_58A	9	5.5	5	9	6.5	9	9	9	8.3	
4	1321040004L	Soumany Keopaseuth .	01/04/89	DCDCDC_58A	8.5	7	5	9	7	9	9	9	8.1	
5	1321040005I	Vilaxay Muentaseng .	14/10/92	DCDCDC_58A	8.5	7.5	5.5	9	7.3	9	9	9	8.2	
6	1321020406	Lê Ngọc Anh	09/03/95	DCDCDC_58A	7.5	8.5	7	9	8.2	9	9	9	7.9	
7	1321020410	Ngô Vân Anh	26/10/95	DCDCDC_58A	8.5	9.5	8	9	8.8	9	9	9	8.6	
8	1321020015	Mai Thị Ngọc ánh	25/05/94	DCDCDC_58B	9	8.5	5	9	7.5	9	9	9	8.6	
9	1321020429	Nguyễn Văn Biên	20/05/92	DCDCDC_58A	7	9.5	6.5	9	8.3	9	9	9	7.6	
10	1321020436	Lê Xuân Chiến	03/02/95	DCDCDC_58A	7	4	9	8	7	8	9	8.5	7.2	
11	1321020443	Nguyễn Ngọc Công	09/06/95	DCDCDC_58A	7	9	6	9	8	8	9	8.5	7.5	
12	1321020036	Nguyễn Ngọc Cường	08/07/93	DCDCDC_58A	8.5	7.5	8.5	9	8.3	9	9	9	8.5	
13	1321020041	Nguyễn Thị Kim Dung	08/05/95	DCDCDC_58A	8.5	9.5	10	9	9.5	9	9	9	8.9	
14	1321020043	Nguyễn Bá Dũng	08/10/95	DCDCDC_58B	9	9	7.5	9	8.5	9	9	9	8.9	
15	1321020045	Nguyễn Tiến Dũng	04/12/95	DCDCDC_58A	7.5	7	7.5	9	7.8	8	8	8	7.6	
16	1321020046	Phạm Văn Dũng	13/08/95	DCDCDC_58A	7.5	9.5	7	9	8.5	9	9	9	8.0	
17	1321020047	Phạm Văn Dũng	16/11/95	DCDCDC_58A	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	
18	1321020054	Phạm Văn Duy	01/12/94	DCDCNK58	8	7	7.5	9	7.8	9	9	9	8.0	
19	1321020467	Đặng Tùng Dương	21/09/94	DCDCDC_58A	7.5	7.5	6.5	9	7.7	9	9	9	7.7	
20	1321020063	Nguyễn Tiến Đạt	13/03/95	DCDCNK58	7	8.5	9.5	8.5	8.8	8	9	8.5	7.7	
21	1321020071	Tăng Văn Đông	19/01/95	DCDCDC_58A	8.5	8	8	9	8.3	8	9	8.5	8.4	
22	1321020504	Trần Đại Đường	07/10/95	DCDCDC_58A	7.5	8.5	5	9	7.5	8	9	8.5	7.6	
23	1321020511	Nguyễn Thị Thu Hà	25/04/95	DCDCDC_58A	9	10	8.5	8.5	9.0	9	9	9	9.0	
24	1321020082	Nông Văn Hà	16/07/95	DCDCDC_58A	8	7.5	6	9	7.5	9	9	9	8.0	
25	1321020084	Bùi Thanh Hải	23/11/93	DCDCDC_58A	8.5	8	7	9	8	9	9	9	8.4	
26	1321020517	Phạm Tuấn Hải	11/01/94	DCDCDC_58A	7	8	6	9	7.7	9	9	9	7.4	
27	1321020522	Khuất Thị Mỹ Hạnh	08/09/95	DCDCDC_58A	9	9.5	9	9	9.2	9	9	9	9.1	
28	1321020532	Phạm Thị Hậu	23/10/95	DCDCDC_58A	8.5	9	7	9	8.3	9	9	9	8.5	
29	1321020099	Trần Trung Hiếu	27/07/95	DCDCDC_58A	8.5	9	9	9	9	9	9	9	8.7	
30	1321020545	Nguyễn Văn Hoàn	06/02/95	DCDCDC_58A	7	6	6.5	9	7.2	9	9	9	7.3	

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2016

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thu

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần: Địa chất các mỏ khoáng + TH

Mã học phần/Mã nhóm: 4040401 nhóm 02

Số tín chỉ: 3

Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

Mã CBGD: 0404-02

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú

31	1321020550	Nguyễn Văn Hợi	05/06/95	DCDCDC_58A	7	6.5	7	9	7.5	9	9	9	7.4	
32	1321020564	Hoàng Văn Huy	28/05/93	DCDCDC_58A	7.5	8	8	9	8.3	9	9	9	7.9	
33	1321020568	Trần Đình Huy	30/12/95	DCDCDC_58A	8	9	5.5	9	7.8	9	9	9	8.0	
34	1321020571	Trần Thị Huyền	20/12/95	DCDCDC_58A	9	10	9	9.5	9.5	9	9	9	9.2	
35	1321020572	Trịnh Thị Huyền	26/01/95	DCDCDC_58A	9	9	6.5	9	8.2	9	9	9	8.8	
36	1321020131	Ngô Doãn Khởi	25/09/95	DCDCDC_58A	9	10	8	9	9	9	9	9	9.0	
37	1321020595	Nguyễn Trung Kiên	15/08/94	DCDCDC_58A	8.5	9	7.5	9	8.5	9	9	9	8.6	
38	1321020133	Ngô Ngọc Lam	09/10/95	DCDCNK58	7.5	6	6	9	7	8	9	8.5	7.5	
39	1321020140	Nguyễn Thành Long	30/05/95	DCDCDC_58A	8.5	6.5	4.5	9	6.7	9	9	9	8.0	
40	1321020610	Nguyễn Tùng Long	04/01/94	DCDCDC_58A	8	7.5	8.5	8.5	8.2	9	9	9	8.2	
41	1321020618	Phạm Văn Lương	25/09/94	DCDCDC_58A	8	8.5	8.5	9	8.7	9	9	9	8.3	
42	1321020147	Lê Văn Minh	20/01/95	DCDCNK58	7	7.5	7.5	9	8.0	8	9	8.5	7.5	
43	1321020149	Phạm Nguyên Minh	25/06/95	DCDCDC_58A	8.5	7	6.5	9	7.5	9	9	9	8.3	
44	1321020638	Nguyễn Kiều My	24/12/95	DCDCNK58	8	7	7.5	8.5	7.7	8	9	8.5	8.0	
45	1321020155	Nguyễn Giang Nam	12/05/95	DCDCNK58	7.5	6	8	8.5	7.5	9	9	9	7.7	
46	1321020171	Nguyễn Đình Quảng	26/10/94	DCDCDC_58B	7.5	9	8.5	9	8.8	9	9	9	8.0	
47	1321020680	Bùi Minh Quân	31/05/95	DCDCDC_58A	7.5	9	8	9.5	8.8	9	9	9	8.0	
48	1321020683	Lê Hữu Quân	22/11/95	DCDCDC_58A	7.5	9	8	8.5	8.5	9	9	9	8.0	
49	1321020688	Lê Hữu Quyền	12/09/95	DCDCNK58	7.5	6.5	8	8.5	7.7	8	9	8.5	7.7	
50	1321020692	Nguyễn Duyên Quỳnh	16/07/95	DCDCDC_58A	8.5	9	6.5	9.5	8.3	9	9	9	8.5	
51	1321020179	Lê Thị Sinh	24/06/95	DCDCDC_58A	9	8.5	7	9.5	8.3	9	9	9	8.8	
52	1321020180	Nguyễn Xuân Sinh	10/10/95	DCDCDC_58A	8	8.5	8	7	7.8	8	9	8.5	8.0	
53	1321020819	Đặng Ngọc Sơn	28/09/93	DCDCDC_58A	7	8	9.5	9	8.8	9	9	9	7.7	
54	1321020702	Vũ Thái Sơn	21/09/95	DCDCDC_58A	7	7	7	9	7.7	9	9	9	7.4	
55	1321020188	Nguyễn Thị Tâm	12/12/95	DCDCDC_58A	8.5	9.5	10	9.5	9.7	9	9	9	8.9	
56	1321020709	Ngô Văn Thái	04/08/95	DCDCDC_58A	7.5	8	7	7	7.3	8	9	8.5	7.5	
57	1321020200	Hoàng Phương Thảo	24/10/95	DCDCDC_58A	8.5	9.5	8	9	8.8	9	9	9	8.6	
58	1321020206	Nguyễn Văn Thỏa	11/04/95	DCDCDC_58A	8	9	7.5	8.5	8.3	9	9	9	8.2	
59	1321020209	Trương Thị Tuyết Thu	02/11/94	DCDCNK58	8	8	4.5	8.5	7.0	9	9	9	7.8	
60	1321020211	Đặng Văn Thuấn	02/06/94	DCDCDC_58B	7.5	9.5	6	8.5	8.0	9	9	9	7.8	

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2015

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thu

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

Tên học phần: Địa chất các mỏ khoáng - TH | Mã học phần/Mã nhóm: 4040401 nhóm 02 | Số tín chỉ: 3

Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật | Mã CBGD: 0404-02

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
61	1321020752	Trần Văn Tiến	25/01/95	DCDCDC_58A	8	9	9.5	8.5	9.0	9	9	9	8.4	
62	1321020230	Nguyễn Thị Thảo Trang	27/05/95	DCDCDC_58A	8.5	8	8.5	9	8.5	9	9	9	8.6	
63	1321020770	Nguyễn Thành Trung	13/03/94	DCDCNK58	7.5	4	9	7	6.7	8	9	8.5	7.4	
64	1221020529	Trần Minh Tuấn	02/07/94	DCDCDC57A	7.5	10	6.5	7	7.8	8	9	8.5	7.7	
65	1321030257	Trương Đức Tuấn	22/04/95	DCDCDC_58A	9	9.5	7.5	8.5	8.5	8	9	8.5	8.8	
66	1321020249	Nguyễn Văn Tuyến	15/08/95	DCDCDC_58A	8	9	6.5	9	8.2	9	9	9	8.2	
67	1321020251	Lê Huy Vận	08/02/95	DCDCDC_58A	7	8	8.5	8.5	8.3	8	9	8.5	7.5	
68	1321020809	Nguyễn Thế Vinh	11/11/95	DCDCNK58	7	5	6.5	8.5	6.7	9	9	9	7.1	
69	1321020254	Bùi Đức Vũ	20/12/94	DCDCNK58	7	5	9	9	7.7	9	9	9	7.4	

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2016

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thu

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật